

Nội dung bài viết

1. [Giải sách bài tập Tiếng Anh lớp 11 Unit 13: Hobbies](#)
  1. [A. Reading trang 94 - 95 SBT Tiếng Anh lớp 11](#)
  2. [B. Language Focus trang 96 - 97 - 98 SBT Tiếng Anh lớp 11](#)
  3. [C. Speaking trang 98 - 99 - 100 SBT Tiếng Anh lớp 11](#)
  4. [D. Writing trang 100 - 101 SBT Tiếng Anh lớp 11](#)

### Giải sách bài tập Tiếng Anh lớp 11 Unit 13: Hobbies

A. Reading trang 94 - 95 SBT Tiếng Anh lớp 11

**Part 1.** Read the passage and choose the best option A, B, C or D to answer or complete each of the following questions. (Đọc đoạn hội thoại **sau** và chọn đáp án đúng nhất A, B, C hoặc D để hoàn thành các câu **sau**.)

#### Hướng dẫn dịch:

Sở thích gần như là thứ mà 1 người thích làm trong thời gian rảnh rỗi. Có người thích nuôi thú cưng, xem chim, hoặc săn thú. Họ cũng leo núi, câu cá, trượt tuyết, trượt băng, và bơi lội. Có người đam mê vẽ tranh, tham dự các buổi hòa nhạc và chơi các nhạc cụ. Họ thu thập mọi thứ từ những cuốn sách đến những con bướm và từ những chiếc vỏ đến những con tem.

Mọi người có những sở thích vì những hoạt động này mang lại niềm vui, tình bạn, kiến thức và thư giãn. Đôi khi họ có thể mang lại thu nhập tài chính. Sở thích cũng mang lại những hoạt động thú vị cho những người đã nghỉ hưu. Mọi người, giàu hay nghèo, già hay trẻ, ốm hoặc khỏe, có thể làm theo sở thích thỏa mãn, bất kể tuổi, vị trí, hoặc thu nhập của họ.

Sở thích có thể giúp tăng sức khỏe tinh thần và thể chất của một người. Các bác sĩ đã phát hiện 1 vài những sở thích để giúp đỡ các bệnh nhân thể chất hoặc tinh thần. Sở thích giúp những bệnh nhân này có hoạt động để làm, và ngăn họ có những suy nghĩ tiêu cực về bản thân mình.

#### Đáp án:

1. A 2. A 3. D 4. A 5. D

**Part 2.** Read the passage. Fill each blank with one suitable word in the box. (Đọc đoạn văn. Điền vào chỗ trống 1 từ thích hợp cho trong khung.)

#### Đáp án:

1. from      2. time      3. said      4. too  
 5. think      6. free      7. a      8. use  
 9. long      10. that      11. these      12. should  
 13. compared      14. money      15. hobby

**Hướng dẫn dịch:**

Sở thích của tôi là đọc tiểu thuyết. Tôi thấy sự hấp dẫn và hữu ích khi đọc. Đây là một sở thích phục vụ cùng lúc 2 mục đích: trong khi **chúng** tôi giải trí 1 cách hữu ích, **chúng** tôi cũng đồng thời có được kiến thức và sự thông minh. Nó được cho là một sở thích của hoàng gia vì sự thanh cao nó.

Có quá nhiều lợi ích xuất phát từ sở thích này để có thể liệt kê hết ra ở đây. Nó giữ cho **chúng** ta bình tĩnh và không để ta có thời gian để suy nghĩ về thứ tiêu cực. Đọc sách trong thời gian rảnh, **chúng** ta đang đạt được hai điều cùng lúc. Đối với tôi, tôi thích sách và sử dụng tất cả thời gian rảnh của mình để đọc. Về lâu dài, tôi sẽ đạt được nhiều nhưng không mất gì. Một số người nghĩ rằng sở thích này đòi hỏi chi phí. Vâng, có rất nhiều thư viện **công cộng** ở các thị trấn. **Chúng** ta có thể tham gia như các thành viên với một khoản phí không đáng kể, và **chúng** ta sẽ có một vị trí để có được những cuốn sách mà **chúng** tôi muốn. Không cần phải mua tất cả sách cần thiết để đọc.

Bất lợi thì thực sự là không đáng kể so với những lợi ích nó mang lại. Một số người có thể cho rằng một sở thích là một sự lãng phí thời gian và tiền bạc. Lập luận này sẽ không hợp lý. Suy cho cùng, người ta nói rằng vị thế của một người đàn ông có thể được đo bằng **công ty** mà ông ta nắm giữ. Vì vậy, nó cũng có thể nói rằng vị trí của một người đàn ông và tình trạng có thể được đánh giá từ sở thích mà ông ấy theo đuổi.

**B. Language Focus trang 96 - 97 - 98 SBT Tiếng Anh lớp 11**

**Exercise 1.** Practise reading the following words, paying attention to the sounds /pt/, /bd/, /ps/, and /bz/. (Thực hành đọc các từ **sau**, **chú** ý tới các âm /pt/, /bd/, /ps/ và /bz/.)

(Học sinh tự thực hành.)

**Exercise 2.** Write the words in Exercise 1 which contain sounds /pt/, /bd/, /ps/, and /bz/ in their correct columns below. (Viết các từ chứa âm /pt/, /bd/, /ps/ và /bz/ vào đúng cột của **chúng** dưới đây.)

**Đáp án:**

/pt/ /bd/ /ps/ /bz/

chopped robbed chops robs

snapped stabbed keeps bribes

kept grabbed ships rubs

opt bribed chips clubs

**Exercise 3.** Rewrite the following sentences after the model, paying attention to the underlined subject focus of the sentence. (Viết lại các câu *sau* theo mẫu *sau*, chú ý tới các chủ ngữ được gạch chân.)

**Đáp án:**

1. It was the neighbour who told them about it.
2. It was my friend who came to see me late last night.
3. It was that boy who scored the goal for his team.
4. It was the dog that grabbed at the piece of meat and ran away.
5. It was the strong wind that blew the roof off.

**Hướng dẫn dịch:**

1. Đó là người hàng xóm đã nói với họ về điều đó.
2. Đó là bạn của tôi đã đến gặp tôi tôi qua.
3. Đó là cậu bé đã ghi bàn thắng cho đội của mình.
4. Đó là con chó đã cướp lấy miếng thịt và bỏ chạy.
5. Đó là cơn gió mạnh đã thổi bay mái nhà.

**Exercise 4.** Rewrite the following sentences after the model, paying attention to the underlined object focus of the sentence. (Viết lại các câu *sau* theo mẫu *sau*, chú ý tới các chủ ngữ được gạch chân.)

**Đáp án:**

1. It was the man who the woman answered rudely.

- It was the man who was answered rudely by the woman.
- 2. It was ping pong that the boy played the whole afternoon.
- It was ping pong that was played the whole afternoon by the boy.
- 3. It was the boy who the girl gave a special gift on his birthday.
- It was the boy who was given a special gift by the girl on his birthday.
- 4. It was the man who the police arrested at the railway station.
- It was the man who was arrested by the police at the railway station.
- 5. It was the money that he borrowed from Loan.
- It was the money that was borrowed from Loan.

**Exercise 5.** Rewrite the following sentences after the model, paying attention to the underlined adverbial focus of the sentence. (Viết lại các câu **sau** theo mẫu **sau**, **chú ý** tới các trạng ngữ được gạch chân.)

**Đáp án:**

1. It was from that corner shop that he bought the book.
2. It was when he was 26 that he got married.
3. It was in the park that they were having a barbecue.
4. It was on the way to school that I met him.
5. It was on weekends that they often had parties.

**Hướng dẫn dịch:**

1. Đó là từ cửa hàng mà anh ta đã mua cuốn sách.
2. Khi anh 26 tuổi anh đã kết hôn.
3. Đó là trong công viên mà họ đã có một món nướng.
4. Đó là trên đường đến trường mà tôi đã gặp anh ta.
5. Đó là vào cuối tuần mà họ thường có các bữa tiệc.

**Exercise 6.** Write four sentences that come from the sentence below, paying attention to the subject, object, and adverbial focus. (Viết lại 4 câu xuất phát từ các câu dưới đây, chú ý chủ ngữ, tân ngữ và trạng ngữ.)

**Đáp án:**

1. It was Kathy who bought her husband an anniversary gift at a sports shop.
2. It was her husband who Kathy bought an anniversary gift at a sports shop.
3. It was an anniversary gift that Kathy bought her husband at a sports shop.
4. It was at a sports shop that Kathy bought her husband an anniversary gift.

**Hướng dẫn dịch:**

1. Đó là Kathy, người đã mua cho chồng một món quà kỷ niệm tại một cửa hàng thể thao.
2. Đó là chồng cô, Kathy đã mua một món quà kỷ niệm tại một cửa hàng thể thao.
3. Đó là một món quà kỷ niệm mà Kathy đã mua cho chồng tại một cửa hàng thể thao.
4. Đó là tại một cửa hàng thể thao mà Kathy đã mua cho chồng một món quà kỷ niệm.

**C. Speaking trang 98 - 99 - 100 SBT Tiếng Anh lớp 11**

**Exercise 1.** Read the questionnaire. Fill the blank and then practise speaking based on the information you have given. (Đọc bảng câu hỏi sau. Điền vào chỗ trống rồi thực hành nói dựa trên các thông tin được cung cấp.)

**Mẫu:**

1. How much real leisure time (or spare time) do you have:

each working day? 5 hours.

each weekend? 12 hours.

2. Put your top four of the following leisure time activities in order of preference ( 1 = favourite, 2 = next favourite, etc).

participating in some kind of sport or physical exercise - which? football.

- watching sports in a stadium or on TV - which sport? football.
- playing some other games - which? No.
- reading – what? No.
- some kind of hobby - what? watching tech videos.
- listening to music at home or in a concert hall - what kind of music? no.
- playing a musical instrument – which? no.
- going to the cinema or theatre - where? National Cinema Center.
- watching TV - which programme? Discovery.
- dancing - where? No.
- visiting friends - who? Close friends.
- others - what? No.

**Exercise 2.** Choose an appropriate response in the box for each question or statement to complete the dialogue. Write your full answers in the space provided and then practise the dialogue. (Chọn các câu trả lời thích hợp với mỗi câu hỏi hoặc câu nói để hoàn thành đoạn hội thoại. Viết câu trả lời đầy đủ của bạn vào chỗ trống rồi thực hành đoạn hội thoại đó.)

**Đáp án:**

1. F 2. E 3. C 4. B 5. A 6. D

**Hướng dẫn dịch:**

1. Bạn định làm gì cuối tuần này, Sandra? Tới bãi biển một lần nữa không? Bạn là một người ưa thích lướt ván, phải không?

F. Đúng rồi nhưng cuối tuần này **chúng** tôi sẽ đến nhà hát ở London. George - bạn tôi là một người yêu nhạc opera thật sự.

2. Một người yêu opera? Tôi tưởng bạn từng nói anh ấy rất thích nhạc jazz hiện đại.

E. Anh ấy rất quan tâm đến tất cả các loại nhạc và cũng là một nghệ sỹ piano tài năng. Bạn có thích âm nhạc không Don?

3. Ở nhà tôi nghe nhạc nhiều lắm. Tôi đã thu thập các thu âm và đĩa compact của Mozart trong hai năm qua. Tôi chơi được một **chút** ghi ta. Nhưng tôi không giỏi lắm.

C. Còn về thể thao thì sao? Bạn trông khá khoẻ mạnh ...

4. Tôi từng là một cầu thủ bóng rổ, nhưng tôi đã bỏ nó khi tôi bị chấn thương mắt cá chân năm ngoái.

B. Ôi, tôi thực sự thích quần vợt ... George nói tôi khá có năng khiếu. Đôi khi **chúng** ta cũng nên chơi cùng nhau 1 môn thể thao được chứ?

5. Vâng ... Tôi thực sự là tàn tạ rồi. **Trước** hết tôi sẽ phải tập luyện đã.

A. Ngớ ngẩn ... Tôi chỉ là người mới bắt đầu. **Chúng** tôi sẽ chỉ có một trò chơi thân thiện thôi.

6. OK. Miễn là bạn hứa sẽ không làm tôi phải xấu hổ. Tôi phải đi bây giờ. Có một cuộc triển lãm các bức tranh của Julie Croft, một người bạn của tôi, mở cửa tối nay. Hẹn gặp lại bạn vào ngày thứ hai.

D. Được rồi. Đừng quên mang vợt đi nhé. **Chúng** ta sẽ chơi **sau** khi tan ca làm nhé.

**Exercise 3.** Practise talking about your favourite hobby. (Thực hành nói về sở thích của bạn.)

### Đáp án:

My hobby is travelling. I love travelling with my friends. Travelling gives me pleasure. Travelling is also a sort of education. By travelling I saw new things, beautiful objects and meet new people. It fills our mind with joy. There are various modes of travelling. Some people want to travel by train, ships, planes... But I love travelling by motorbikes because I can capture good moments on road. Whenever I am free I make plan with my friends and try to travel as many places as I can. I saved money everyday for travelling.

### Hướng dẫn dịch:

Sở thích của tôi là đi du lịch. Tôi thích đi du lịch với bạn bè của tôi. Du lịch mang đến cho tôi niềm vui. Du lịch cũng là một loại giáo dục. Bằng cách đi du lịch, tôi đã thấy những điều mới mẻ, những đồ vật đẹp và gặp gỡ những người mới. Nó lấp đầy tâm trí của **chúng** tôi với niềm vui. Có nhiều phương thức di chuyển khác nhau. Một số người muốn đi du lịch bằng tàu hỏa, tàu, máy bay aero... Nhưng tôi thích đi du lịch bằng xe

máy vì tôi có thể chụp những khoảnh khắc đẹp trên đường. Bất cứ khi nào tôi rảnh, tôi lập kế hoạch với bạn bè và cố gắng đi càng nhiều nơi càng tốt. Tôi đã tiết kiệm tiền hàng ngày để đi du lịch.

#### D. Writing trang 100 - 101 SBT Tiếng Anh lớp 11

**Exercise 1.** Read the passage below. Note down the advantages and disadvantages of reading novels presented in it. (Đọc đoạn văn **sau**. Ghi lại những lợi ích và bất lợi của việc đọc tiểu thuyết được viết trong đoạn văn.)

#### Đáp án:

Advantages:

- It keeps us calm and gives us no time to think of other useless pursuits;
- Make use of all free hours effectively;

Disadvantages:

- A hobby may be a waste of time and money;

#### Hướng dẫn dịch:

Sở thích của tôi là đọc tiểu thuyết. Tôi thấy sự hấp dẫn và hữu ích khi đọc. Đây là một sở thích phục vụ cùng lúc 2 mục đích: trong khi **chúng** tôi giải trí 1 cách hữu ích, **chúng** tôi cũng đồng thời có được kiến thức và sự thông minh. Nó được cho là một sở thích của hoàng gia vì sự thanh cao nó.

Có quá nhiều lợi ích xuất phát từ sở thích này để có thể liệt kê hết ra ở đây. Nó giữ cho **chúng** ta bình tĩnh và không để ta có thời gian để suy nghĩ về thứ tiêu cực. Đọc sách trong thời gian rảnh, **chúng** ta đang đạt được hai điều cùng lúc. Đối với tôi, tôi thích sách và sử dụng tất cả thời gian rảnh của mình để đọc. Về lâu dài, tôi sẽ đạt được nhiều nhưng không mất gì. Một số người nghĩ rằng sở thích này đòi hỏi chi phí. Vâng, có rất nhiều thư viện **công cộng** ở các thị trấn. **Chúng** ta có thể tham gia như các thành viên với một khoản phí không đáng kể, và **chúng** ta sẽ có một vị trí để có được những cuốn sách mà **chúng** tôi muốn. Không cần phải mua tất cả sách cần thiết để đọc.

Bất lợi thì thực sự là không đáng kể so với những lợi ích nó mang lại. Một số người có thể cho rằng một sở thích là một sự lãng phí thời gian và tiền bạc. Lập luận này sẽ không hợp lý. Suy cho cùng, người ta nói rằng vị thế của một người đàn ông có thể được đo bằng **công ty** mà ông ta nắm giữ. Vì vậy, nó cũng có thể nói rằng vị trí của một người đàn ông và tình trạng có thể được đánh giá từ sở thích mà ông ấy theo đuổi.



**Exercise 2.** Discuss the advantages and disadvantages of playing computer games as a hobby. Use the ideas presented in Exercise 1 as suggestions. (You should write your discussion within 120 words). (Bàn luận về các lợi ích và bất lợi của sở thích chơi trò chơi điện tử. Sử dụng các ý trong bài tập 1 làm gợi ý (Bài luận khoảng 120 từ).)

### **Bài mẫu:**

The disadvantages of playing computer games seem to outweigh the advantages. Some people get hooked on to playing computer games so much so that they tend to lose interest in other more important things like studies. Computer games are one of the main factors why students neglect their studies. In addition to that, looking at the computer screens without resting the eyes for long periods of time, will spoil our eyesight. Computer games are actually a waste of time as players do not look like they gain anything from the many hours spent by pressing the buttons on the keyboard. Another problem is that the market is flooded with new and more sophisticated games and players are never able to satisfy themselves as each victory fuels another urge for a new challenge.

The advantages that are evident in playing computer games are that you will eventually know more about the computer software and hardware as each game will have its individual problem and this will have to be solved through knowing the use of the computer software and hardware. Playing computer games will also result in the understanding of computer jargon which would otherwise confuse the mind of a non-player. One more advantage would be that our fingers will grow accustomed to pressing buttons on the keyboard as we gradually become better in our skills at the computer games.

### **Hướng dẫn dịch:**

Những bất lợi của việc chơi các trò chơi trên máy tính dường như lớn hơn những ưu điểm. Một số người bị lôi kéo vào chơi trò chơi trên máy tính nhiều đến nỗi họ có xu hướng mất hứng thú với những thứ quan trọng khác như nghiên cứu. Trò chơi trên máy tính là một trong những yếu tố chính khiến sinh viên bỏ bê việc học của mình. Thêm vào đó, nhìn vào màn hình máy tính mà không nghỉ ngơi đôi mắt trong thời gian dài, sẽ làm hỏng thị lực của **chúng** tôi. Trò chơi máy tính thực sự là một sự lãng phí thời gian vì người chơi không giống như họ có được bất cứ điều gì từ nhiều giờ chỉ tiêu bằng cách nhấn các nút trên bàn phím. Một vấn đề khác là thị trường tràn ngập những trò chơi mới và tinh vi hơn và người chơi không bao giờ có thể thỏa mãn bản thân mình khi một loại nhiên liệu chiến thắng khác thúc đẩy một thách thức mới.

Những lợi thế hiển nhiên khi chơi trò chơi trên máy tính là cuối cùng bạn sẽ biết nhiều hơn về phần mềm và phần cứng máy tính vì mỗi trò chơi sẽ có vấn đề riêng và điều này sẽ phải được giải quyết thông qua việc sử dụng phần mềm và phần cứng máy tính. Chơi

trò chơi trên máy tính cũng sẽ dẫn đến sự hiểu biết về thuật ngữ máy tính mà nếu không sẽ làm bối rối tâm trí của người không phải người chơi. Một ưu điểm nữa là các ngón tay của **chúng** tôi sẽ quen với việc nhấn nút trên bàn phím khi **chúng** tôi dần dần trở nên tốt hơn trong các kỹ năng của **chúng** tôi tại các trò chơi trên máy tính.